

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **35/2018/HNGĐ-PT**

Ngày: 14-11-2018

V/v: “*Tranh chấp ly hôn, con chung*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Tuyền.

Các thẩm phán:

Bà Phan Thị Thu Hương

Ông Vũ Hồng Luyến

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Minh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lê Hồng Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2018 tại Hội trường C - Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ L số 46/2018/TLPT-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2018 về việc: “*Tranh chấp ly hôn, con chung*”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 48/2018/HNGĐ-ST ngày 21/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 50/2018/QĐ-PT ngày 24 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị L, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Phường X, thị xã L, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Phạm Vương Chánh P, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Xã S, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

- Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai.

(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 09/11/2017, trong quá trình làm việc , nguyên đơn chị Phạm Thị L trình bày:**

Trên cơ sở tự nguyện , chị và anh Phạm Vương Chánh P chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2010, nhưng không đăng ký kết hôn.

Trong quá trình chung sống, chị và anh P sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu nảy sinh bất hòa, mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách không phù hợp, luôn bất đồng quan điểm sống. Chị và anh P đã ly thân từ năm 2013. Nhận thấy tình cảm của chị và anh P không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên chị L yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với anh P.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Phạm Thanh T, sinh ngày 19/6/2011. Hiện tại cháu T đang ở với chị. Nay chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu T cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và có đủ khả năng lao động. Chị không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị L xác định không có.

Về nợ chung: Chị L xác định không có.

** Trong quá trình làm việc và tại phiên tòa, bị đơn anh Phạm Vương Chánh P vắng mặt nên không có lời trình bày.*

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 48/2018/HNGĐ-ST ngày 21/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc: Căn cứ điều 14 và khoản 2 điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Phạm Thị L, anh Phạm Vương Chánh P là vợ chồng.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Thanh T, sinh ngày 19/6/2011 cho chị Phạm Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và có đủ khả năng lao động.

Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Phạm Vương Chánh P.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Về án phí: Chị Phạm Thị L phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 20/7/2018, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai có Quyết định kháng nghị số 264/QĐ/KNPT-P.9 đối với bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 48/2018/HNGĐ-ST ngày 21/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm về cách tuyên phần tài sản chung, nợ chung.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phúc thẩm:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý đến khi xét xử.

Về nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị, áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa một phần án sơ thẩm như nội dung kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai làm trong hạn luật định nên được xem xét theo quy định.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định của Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai kháng nghị bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm vì cho rằng nguyên đơn chị L khai về tài sản chung, nợ chung là không có. Quá trình làm việc và tại phiên tòa, bị đơn anh P vắng mặt nên không có lời trình bày, chưa có ý kiến của bị đơn anh P, chưa đủ cơ sở để xác định chị L và anh P không có tài sản chung, không có nợ chung. Do đó, phần quyết định của bản án sơ thẩm tuyên về tài sản chung, nợ chung không có là chưa đủ cơ sở vững chắc. Sau khi xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm có quyết định sửa chữa bổ sung bản án số 83/2018/QĐ-SCBSBA ngày 06/7/2018 sửa thành “Tài sản chung, nợ chung: *Không xem xét, giải quyết*”. Quyết định sửa chữa bổ sung bản án số 83/2018/QĐ-SCBSBA ngày 06/7/2018 không thể hiện có sự phối hợp của các thành viên Hội đồng xét xử, không phù hợp với biên bản nghị án và có nội dung làm thay đổi nội dung Quyết định của bản án không phải trường hợp sai sót về chính tả nên Quyết định số 83/2018/QĐ-SCBSBA ngày 06/7/2018 là vi phạm quy định tại Điều 268 Bộ luật tố tụng dân sự nên không có giá trị pháp L. Kháng nghị của Viện kiểm sát là chính xác nên chấp nhận.

[3] Về việc áp dụng pháp luật: Chị L và anh P chung sống từ năm 2010 mặc dù không có đăng ký kết hôn nhưng về mặt thực tế hai người đã xác lập quan hệ vợ chồng, có con chung nên xác định quan hệ hôn nhân giữa các đương sự được xác lập tại thời điểm Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 đang có hiệu lực pháp luật. Theo quy định tại khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì “áp dụng luật hôn nhân và gia đình tại thời điểm xác lập để giải quyết”. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các điều luật của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết nội dung là không chính xác mà phải căn cứ quy định tại Điều 131 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, áp dụng và các quy định của luật

hôn nhân gia đình năm 2000 để giải quyết nội dung tranh chấp. Do vậy cần bổ sung.

[4] Về quan hệ con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Bản án sơ thẩm không tuyên quyền và nghĩa vụ của người trực tiếp nuôi con và người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc con chung là thiếu sót cần bổ sung.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Bản án sơ thẩm tuyên “Tạm miễn” là không chính xác. Việc cấp dưỡng là nghĩa vụ của cha mẹ và là quyền của đứa trẻ, Tòa án không có quyền miễn hay tạm miễn. Do người trực tiếp nuôi con tạm thời không yêu cầu cấp dưỡng nên Tòa án phải tuyên “tạm thời ...không phải cấp dưỡng nuôi con chung”. Do vậy, cũng cần sửa nội dung này cho chính xác.

Về án phí: Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm .

Vì những lẽ trên;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Sửa một phần bản án sơ thẩm

Căn cứ các Điều 11, 87 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2000.

Căn cứ các Điều 53, 81, 82, 83, 84, 131 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

-Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Phạm Thị L, anh Phạm Vương Chánh P là vợ chồng.

-Về con chung : Giao con chung là cháu Phạm Thanh T, sinh ngày 19/6/2011 cho chị Phạm Thị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm thời anh Phạm Vương Chánh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Phạm Vương Chánh P được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Các đương sự được quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí chị

L đã nộp theo biên lai thu số 000452 ngày 13/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc được chuyển thành án phí chị L phải chịu. Chị L đã nộp đủ.

Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các Thẩm phán

Thẩm phán-Chủ tọa

Vũ Hồng Luyến Phan Thị Thu Hương

Nguyễn Thị Hồng Tuyền